

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 03- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Bắc

2. Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ L số 255/2021/TLST - HNGĐ, ngày 27/12/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Vũ Văn N trình bày: Tôi kết hôn với chị Trần Thị L vào năm 2019. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi cưới không ai có tài sản riêng gì. Sau khi cưới vợ chồng ra ở trọ, được vài tháng thì về nhà bố mẹ tôi ở. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 7/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tôi và chị L thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 tới nay không ai quan tâm đến ai, chấm dứt

mọi quan hệ, hiện tại chỉ còn quan tâm đến con cái. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là A, sinh ngày 16/5/2020. Hiện cháu đang ở với chị L. Khi ly hôn, tôi nhất trí để chị L nuôi con chung. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Tôi và chị L chỉ có duy nhất chiếc xe máy, tôi và chị L tự thỏa thuận, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, về công sức đóng góp: Không có.

Lời khai của bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị L kết hôn với anh Vũ Văn N vào năm 2019. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi cưới không ai có tài sản riêng gì. Sau ngày cưới vợ chồng đi thuê nhà trọ sinh sống một thời gian sau đó về sống chung cùng gia đình anh Nguyễn. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 7/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L bảo anh Nguyễn cho chị đi làm nhưng anh Nguyễn không cho chị L đi làm, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Chị L đã đưa con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 7/2020 tới nay, vợ chồng sống ly thân thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ, chỉ còn liên lạc hỏi thăm về con chung.

Quá trình giải quyết chị L xác định vẫn còn tình cảm, không nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn xin ly hôn chị L nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là A, sinh ngày 16/5/2020. Hiện cháu đang ở với chị L. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi con chung. Chị L yêu cầu anh Nguyễn cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị L xác định chị và anh Nguyễn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, về công sức đóng góp: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147 và Điều 482 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- + Cho anh Vũ Văn N được ly hôn chị Trần Thị L.
- + Về con chung: Giao con chung A, sinh ngày 16/5/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về quyền thăm nom con chung: Anh Nguyễn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.
- + Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung, về công sức đóng góp: Không có.
- + Về án phí: anh Nguyễn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ L và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Vũ Văn N và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn và chị L bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 tới nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh Nguyễn xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải

quyết cho ly hôn, quá trình giải quyết chị L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn xin ly hôn chị L nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh Nguyễn và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh Nguyễn, cho anh Vũ Văn N được ly hôn chị Trần Thị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả anh Nguyễn và chị L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là A, sinh ngày 16/5/2020. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự đều nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh Nguyễn cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Nguyễn nhất trí cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi giữa anh Nguyễn và chị L là phù hợp.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Nguyễn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung, về công sức đóng góp: Không có.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn, chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 482 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N, cho anh Nguyễn được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung A, sinh ngày 16/5/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 11/03/2022.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Nguyễn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, về công sức đóng góp: Không có.

4. Về án phí. Anh Nguyễn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003838, ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Anh Nguyễn còn phải nộp tiếp 300.000đ sung công quỹ nhà nước.

Báo cho anh Nguyễn, chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên ;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khánh